

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 451/2026/DS-PT  
Ngày: 20 - 05 - 2026

“V/v Tranh chấp dân sự - Nợ  
hụi, hợp đồng vay tài sản,  
tiền thuê nhà và thực hiện  
nghĩa vụ do người chết để  
lại”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan

Ông Trương Vĩnh Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Gia Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà  
Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân  
dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số  
226/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 03 năm 2026 về “Tranh chấp dân sự - Nợ  
hụi, hợp đồng vay tài sản, tiền thuê nhà và thực hiện nghĩa vụ do người chết để  
lại”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025  
của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 929/2026/QĐ-PT ngày  
07 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:**

1. Ông Trần Thế H, sinh năm 1952 (có mặt);

2. Chị Trần Lê Cẩm H1, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Số I, tổ D, ấp Đ, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị H1* là ông Trần Thế H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số I, tổ D, ấp Đ, xã M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Thị L, bị đơn Trần Thế H.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trường T trình bày:* Do mối quan hệ quen biết nên bà L (N) có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Cẩm T1 (T) vợ của ông Trần Thế H và là mẹ của Trần Lê Cẩm H1, gồm các dây hụi sau:

Đối với dây hụi do bà Lê Thị Cẩm T1 làm đầu thảo:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 08/6/2018 (âm lịch), có 13 thành viên tham gia, gồm 18 phần, bà L tham gia 01 phần và đã đóng cho bà T1 được 13 tháng với số tiền là 26.000.000đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 10/01/2019 (âm lịch), có 15 thành viên tham gia, gồm 18 phần, bà L tham gia 01 phần và đã đóng cho bà T1 được 8 tháng với số tiền là 24.000.000đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 02/5/2018 (âm lịch), có 15 thành viên tham gia, gồm 20 phần, bà L tham gia 01 phần và đã đóng cho bà T1 được 16 tháng với số tiền là 32.000.000đồng.

Đối với dây hụi do bà Huỳnh Thị L làm đầu thảo:

- Đối với 02 dây hụi ngày 30/4/2019 và ngày 10/11/2018 (âm lịch) bà T1 đóng hụi sống ít hơn số tiền chơi hụi là 5.000.000đồng, nhưng bà L không nhớ cụ thể số tiền đóng hụi sống ít hơn là bao nhiêu. Do đó bà L thống nhất có nhận của bà T1 là 5.000.000đồng cho mỗi lần đóng hụi sống của 02 dây hụi.

- Dây hụi 5.000.000đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 30/4/2019 (âm lịch), có 17 thành viên tham gia, gồm 19 phần, bà T1 tham gia 02 phần. Trong đó: phần hụi đã lãnh: Bà T1 lãnh lần thứ nhất ngày 30/4/2019, góp hụi lại được 03 tháng, còn nợ lại 15 tháng với số tiền 75.000.000đồng. Phần hụi chưa lãnh: Bà T1 đóng được 04 tháng, mỗi tháng 4.000.000đồng với số tiền 16.000.000đồng. Bà L đồng ý trả cho ông H, chị H1 số tiền bà T1 đã đóng 04 lần của dây hụi này là 20.000.000đồng.

- Dây hụi 5.000.000đồng, một tháng khui một lần, mở ngày 10/11/2018 (âm lịch), có 19 thành viên tham gia, gồm 19 phần, bà T1 tham gia 01 phần. Bà

T1 hốt hụi vào lần thứ 9 vào ngày 15/7/2019, góp hụi được 02 tháng, còn nợ lại 08 tháng với số tiền 40.000.000đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà T1 còn nợ lại dây hụi do bà L làm đầu thảo là 95.000.000đồng (115.000.000đồng – 20.000.000đồng = 95.000.000đồng).

Đối với số tiền vay: Bà L có cho bà Lê Thị Cẩm T1 mượn số tiền là 20.000.000đồng vào ngày 20/5/2019 âm lịch và số tiền 200.000.000đồng vào ngày 30/12/2018 âm lịch, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là khi nào có nhu cầu thì bà T1 trả lại cho bà L. Sau đó, ông H đã trả được cho bà L 100.000.000đồng. Như vậy bà T1 còn nợ lại số tiền 120.000.000đồng. Ngày 06/9/2019 (âm lịch) bà T1 chết. Bà L yêu cầu ông H và chị H1 là người thừa kế của bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H và chị H1 không thực hiện.

- Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Thế H về việc yêu cầu bà L trả tiền thuê nhà còn thiếu là 46 tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng với tổng số tiền là 92.000.000đồng thì bà L không đồng ý. Bà L thừa nhận có thuê nhà của bà T1 là 46 tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng và đã đưa trước cho bà T1 10.000.000đồng, nên chỉ còn nợ lại bà T1 tiền thuê nhà là 36.000.000đồng. Bà L không đồng ý với trình bày và yêu cầu phản tố của ông H.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L ngày 07/3/2025 trình bày như sau: Đối với dây hụi 5.000.000đồng do bà L làm chủ thì bà L rút lại 10.000.000đồng (trong số tiền 95.000.000đồng).

Nay bà Huỳnh Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đối với phần tiền hụi: Yêu cầu ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 157.000.000đồng còn thiếu và không yêu cầu tính lãi.

- Đối với số tiền vay: Yêu cầu ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 120.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Trần Thế H đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của Trần Lê Cẩm H1 trình bày:* Khi bà T1 còn sống, có mượn của bà L số tiền là: 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) ngày 30/12/2018. Số tiền này đã trả rồi, có biên nhận.

\* Các khoản tiền bà T1 còn thiếu bà L:

- Tiền vay: Số tiền 20.000.000đồng tháng 5 âm lịch năm 2019.

- Tiền nợ hụi (do bà T1 làm chủ thảo):

+ Dây hụi ngày 02/5/2018 số tiền: 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

+ Dây hụi ngày 10/01/2019 số tiền: 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Đối với dây hụi ngày 08/06/2018 bà L đã hốt hụi rồi, còn phải đóng lại cho bà T1 là 8.000.000đồng, nhưng bà L chưa đóng. Đối với dây hụi này, khi đóng hụi sống bà L đóng ít hơn số tiền chơi hụi là 2.000.000đồng, nhưng ông H không biết cụ thể số tiền đóng hụi sống ít hơn là bao nhiêu. Do đó ông H thống nhất bà T1 có nhận của bà L là 2.000.000đồng cho mỗi lần đóng hụi sống.

Như vậy bà T1 còn nợ lại bà L vừa tiền H2, vừa tiền mượn là 68.000.000đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

\* Các khoản tiền bà L còn thiếu lại bà T1 như sau:

Các dây hụi bà T1 tham gia, do bà L làm chủ thảo.

- Tiền hụi sống dây 5.000.000đồng, khai ngày 10/11/2018 âm lịch, bà T1 đã đóng tiền đến tháng 8/2019 âm lịch (đóng được 10 tháng) với số tiền là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Tiền hụi sống dây 5.000.000đồng, khai ngày 30/4/2019 âm lịch, bà T1 chơi 02 phần đã đóng tiền đến tháng 8/2019 âm lịch (đóng được 5 tháng/02 phần) với số tiền là: 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Bà L có thuê nhà của bà T1 để kinh doanh bao bì và giấy gói xoài là 46 tháng chưa trả tiền (tính từ tháng 7/2019 đến ngày 30/4/2023) giá thuê mỗi tháng là 2.000.000đồng. Như vậy, tiền thuê nhà bà L còn thiếu bà T1 là 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Số tiền bà L còn nợ bà T1 là: 192.000.000đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Như vậy số tiền bà L thiếu bà T1 trừ đi số tiền bà T1 thiếu bà L thì số tiền bà L còn nợ lại bà T1 là: 124.000.000đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng)

Cụ thể: (Tiền hụi 100.000.000đồng + 92.000.000đồng tiền thuê nhà) – 68.000.000đồng bà T1 thiếu bà L = 124.000.000đồng.

Nay ông H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp giải quyết:

Yêu cầu bà Huỳnh Thị L trả lại cho người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 là ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 số tiền: 124.000.000đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

**\* Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:**

- Biên nhận vay tiền 20.000.000đồng, ngày 20/5/2019a1 (bản chính);
- Biên nhận vay tiền 200.000.000đồng ngày 30/12 tết (bản chính);
- Biên nhận ngày 14/01/2020 là bà L là bà L có nhận 100.000.000đồng của ông H (bản phô tô có đóng dấu quốc huy của TAND tỉnh Đồng Tháp).
- Biên nhận có nội dung 50.000.000đồng trả rồi không lấy biên nhận (bản phô tô có đóng dấu quốc huy của TAND tỉnh Đồng Tháp).
- Biên nhận ngày 30/11/2019 của bà L nhận của ông H 50.000.000đồng (bản phô tô có đóng dấu quốc huy của TAND tỉnh Đồng Tháp).
- Biên nhận tiền tháng ngày 30 chỉ có là 200.000.000đồng (bản phô tô có đóng dấu quốc huy của TAND tỉnh Đồng Tháp).
- Giấy xác nhận của Trần Văn S, ngày 06/7/2023 (bản chính);
- Giấy xác nhận của Dương Thị Kiều T2, ngày 12/7/2023 (bản chính);
- Giấy xác nhận của Trần Văn D, ngày 13/7/2023 (bản chính);
- Giấy xác nhận của Trần Thị Kim X, ngày 12/7/2023 (bản chính);
- Giấy xác nhận của Đoàn Thị Kim P, ngày 13/7/2023 (bản chính);
- Biên bản thỏa thuận ngày 16/4/2024 bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thế H (bản phô tô);
- Biên bản hòa giải ngày 16/8/2023 của TAND huyện Cao Lãnh (bản phô tô có đóng dấu quốc huy của TAND tỉnh Đồng Tháp).
- Biên bản hòa giải ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (bản chính);
- Tờ tường trình ngày 25/9/2025 của ông Trần Thế H (bản chính);
- Hợp đồng thuê mặt bằng giữa ông Trần Thế H và Huỳnh Thị S1 (bản chính);
- Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L (bản chính);
- Tờ khai mối quan hệ hàng thừa kế (bản chính).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 144/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471, Điều 472, Điều 481, Điều 612 và Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ họ và tiền nợ vay mà bà Lê Thị Cẩm T1 còn nợ.

Buộc ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 142.000.000đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng), trong phạm vi di sản mà bà Lê Thị Cẩm T1 để lại.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Thế H về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả lại tiền nợ họ và tiền thuê tài sản cho người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là hàng thừa kế của bà T1 với số tiền là 96.000.000đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn Huỳnh Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, bị đơn Trần Thế H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị

**đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Nguyên đơn và bị đơn** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 phải có nghĩa vụ dùng di sản thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 để thực hiện nghĩa vụ cho bà Huỳnh Thị L với số tiền nợ hui là 122.000.000đồng, tiền nợ vay là 20.000.000đồng. Tổng cộng 142.000.000đồng. Đồng thời buộc bà Huỳnh Thị L trả cho ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 số tiền nợ hui là 50.000.000đồng và tiền thuê nhà là 46.000.000đồng. Tổng cộng 96.000.000đồng là có căn cứ.

Bà L, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L và bị đơn ông Trần Thế H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn Trần Thế H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp dân sự - Nợ hui, hợp đồng vay tài sản, tiền thuê nhà và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà L, ông H cùng kháng cáo bản án trong thời hạn luật định. Bà L nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, ông H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Cẩm T1 (chết ngày 04/10/2019) là vợ của ông Trần Thế H, chị Trần Lê Cẩm H1 là con chung của bà T1 - ông H. Khi

còn sống, vào khoảng năm 2018 bà T1 có tham gia giao dịch chơi hụi, vay tiền và cho thuê nhà với bà L. Năm 2019 bà T1 chết thì phát sinh tranh chấp giữa bà L với ông H, chị Cẩm H1 đối với các giao dịch do bà T1 xác lập với bà L. Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu ông H và chị H1 là các đồng thừa kế của bà T1 phải liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 157.000.000đồng không yêu cầu tính lãi. Và yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ mà bà T1 còn thiếu là 120.000.000đồng. Tổng cộng **277.000.000đồng**. Bị đơn ông Trần Thế H phản tố yêu cầu bà Huỳnh Thị L trả cho ông H và chị H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 (sau khi cản trừ tiền nợ hụi, tiền nợ vay với bà L) số tiền nợ hụi là 32.000.000đồng và tiền thuê nhà 92.000.000đồng, tổng cộng là **124.000.000 đồng**. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì bà L và ông H cùng kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị L và kháng cáo của ông Trần Thế H nhận thấy: Khi bà T1 còn sống thì bà T1 có làm chủ hụi, bà L là hụi viên tham gia chơi hụi. Bà L cũng có làm chủ hụi, bà T1 là hụi viên có tham gia các dây hụi của bà L làm chủ thảo. Ngoài ra bà T1 còn có vay của bà L số tiền 220.000.000đồng, bà T1 cho bà L thuê nhà để mua bán trong thời gian 46 tháng. Ngoài chứng cứ là biên nhận vay số tiền 220.000.000đồng (do bà T1 vay của bà L) thì các bên đương sự không có chứng cứ để chứng minh về các dây hụi có tranh chấp cũng như hợp đồng thuê nhà (chỉ thỏa thuận miệng). Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả đối chất tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Trước hết đối với các dây hụi do bà T1 làm chủ thảo hụi, bà L là hụi viên:

- Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thì ông H và bà L cùng thống nhất: Dây hụi khai ngày 02/5/2018 và ngày 10/01/2019 hai bên thống nhất là bà T1 còn nợ lại bà L **56.000.000đồng**. Đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Dây hụi ngày 08/6/2018al ông H thừa nhận bà L có đóng hụi 13 lần và đã hết rồi nhưng bà L không thừa nhận đồng thời ông H không có chứng cứ gì chứng minh việc bà L hết hụi. Bà L cũng không thừa nhận đã hết dây hụi này. Bản án sơ thẩm xác định bà Lê Thị Cẩm T1 còn nợ bà Huỳnh Thị L **26.000.000đồng** đối với dây hụi này là có căn cứ.

[3.2] Đối với các dây hụi do bà L làm chủ thảo, bà T1 là hụi viên:

- Dây hụi tháng 5.000.000đồng, mở ngày 30/4/2019 (âm lịch), gồm 19

phần, bà T1 tham gia 02 phần. Nguyên đơn trình bày, bà T1 tham gia 02 phần; Bà T1 đã hốt 01 phần ở kỳ khai thứ nhất, góp lại 04 kỳ, còn nợ 14 kỳ với số tiền 60.000.000đồng; Bà T1 còn 01 phần hụi sống đã đóng được 05 kỳ tương đương số tiền 25.000.000đồng. Ông H không thừa nhận hốt hụi ở dây hụi này, bà L không có chứng cứ chứng minh đã giao hụi cho bà T1. Tòa án sơ thẩm xác định đối với dây hụi này bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông H, chị H1 là **50.000.000đồng** là có căn cứ.

- Dây hụi tháng 5.000.000đồng, mở ngày 10/11/2018 (âm lịch), gồm 19 phần, bà T1 tham gia 01 phần, được ông H và chị H1 thừa nhận. Đối với dây hụi này ông H thừa nhận có đóng 5.000.000đồng vào tháng 8/2019 (có viết giấy tay), nhưng đóng theo trình bày của bà L. Mặc dù ông H không thừa nhận có hốt hụi nhưng tại giấy viết tay nộp cho Tòa án có nội dung “*Hụi 30/2 phần 9.000.000đ đóng hụi lại cho bà T3 6.100.000đ còn lại 2.900.000đ. Hụi 10 5.000.000đ*” có cơ sở chứng minh ông H đóng 5.000.000đồng cho dây hụi ngày 10/11/2018 là hụi chết (do hụi có lãi), từ đó có cơ sở chứng minh dây hụi này bà T1 đã hốt và đóng lại hụi chết. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào tờ giấy đóng hụi chết do ông H ghi để xác định đây là tiền hụi chết, có nghĩa rằng bà T1 đã hốt dây hụi này là có căn cứ. Bà L trình bày bà T1 còn nợ lại 8 lần hụi chết tổng số tiền là **40.000.000đồng**. Tòa án sơ thẩm xác định bà T1 nợ bà L số tiền 40.000.000đồng của dây hụi này là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với phần nợ vay: Bà L khởi kiện cho rằng bà T1 có vay 02 lần với số tiền 220.000.000đồng. Bà L chứng minh bằng 02 biên nhận nợ, được ông H thừa nhận. Cho nên, có cơ sở xác định số tiền 220.000.000đồng bà T1 vay của bà L là có thật. Quá trình tranh chấp thì bà L thừa nhận có trả được 100.000.000đồng, sau đó ông H chứng minh trả thêm được 100.000.000đồng, tổng cộng 200.000.000đồng. Bà L cho rằng số tiền 100.000.000đồng do ông H chứng minh bằng các tờ biên nhận là trả cho số tiền vay khác, ông H không thừa nhận có khoản vay khác, bà L không có chứng cứ khác để chứng minh. Tòa án sơ thẩm xác định tiền vay bà T1 còn nợ bà L 20.000.000đồng là có căn cứ.

[3.4] Đối với tiền thuê nhà: bà L và ông H cùng thống nhất thời gian vợ chồng ông H - bà T1 cho bà L thuê 46 tháng là đúng, vấn đề này được hai bên thừa nhận. Các bên tranh chấp với nhau về số tiền thuê hàng tháng và số tiền đã trả. Bà L trình bày giá thuê là 1.000.000đồng/tháng, ông H cho rằng cho thuê với giá 2.000.000đồng/tháng. Cả hai bên đương sự đều không có lập văn bản và không có chứng cứ chứng minh, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận theo sự thừa

nhận của bà L là tiền thuê nhà mỗi tháng 1.000.000đồng. Bà L cho rằng đã trả được 10.000.000đồng nhưng ông H không thừa nhận, bà L cũng không có chứng cứ để chứng minh trả số tiền 10.000.000đồng. Tòa án sơ thẩm xác định bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 46.000.000đồng là có căn cứ.

[4] Từ những căn cứ phân tích như trên, xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà L và ông H cùng kháng cáo nhưng cả hai bên cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm. Ông H được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471, Điều 472, Điều 481, Điều 612 và Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### ***\* Tuyên xử:***

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị L; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thế H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 144/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi và tiền nợ vay mà bà Lê Thị Cẩm T1 còn nợ.

Buộc ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 142.000.000đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng), trong phạm vi di sản mà bà Lê Thị Cẩm T1 để lại.

**3.** Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Thế H về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả lại tiền nợ hụi và tiền thuê tài sản cho người thừa kế của bà Lê Thị Cẩm T1.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế H và chị Trần Lê Cẩm H1 là hàng thừa kế của bà T1 với số tiền là 96.000.000đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

**4.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **5. Về án phí:**

- Bà Huỳnh Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.550.000đồng, và phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 11.850.000đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006800 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và số tiền 7.425.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009242, ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà Huỳnh Thị L phải nộp thêm là 4.125.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Thế H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, do là người cao tuổi và đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

- Chị Trần Lê Cẩm H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà L được chấp nhận là 3.550.000đồng trong phạm vi di sản do bà Lê Thị Cẩm T1 để lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 5 năm 2026.

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**